

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/DS-ST
Ngày 14-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Ninh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nhật Chiến

Ông Đoàn Văn Xây

Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Kỳ Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: Số B - B, N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền ông Giáp Quang T – Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh L; địa chỉ : Số A, L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (theo quyết định ủy quyền số: 3524/2023/QĐ - PC, ngày 10 tháng 4 năm 2024), vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Đỗ Thu H, Trưởng phòng kiểm soát rủi ro, Ngân hàng TMCP S, chi nhánh L, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn Ẹ; địa chỉ tạm trú: Thôn P, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/4/2019, ông Hoàng Văn Ẹ và Ngân hàng TMCP S, T1 THYPERLINK "5" \o "tín, chi"ín, chi nhánh L có ký hợp đồng mở thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S, các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng), hạn mức tín dụng là 25.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân; loại thẻ tín dụng mà ông Hoàng Văn Ẹ được Ngân hàng cung cấp có thể được dùng để rút tiền mặt tại cây ATM hoặc được sử dụng để quét thẻ tại máy POS có chấp nhận thẻ tín dụng sẽ được dùng tối đa số tiền hạn mức được cấp là 25.000.000 đồng; thời hạn được sử dụng thẻ từ tháng 4/2019 đến tháng 4/2022. Sau thời hạn trên khách hàng có thể đề nghị Ngân hàng tiếp tục gia hạn thời gian sử dụng thẻ tiếp 05 năm. Vì khoản vay thẻ tín dụng là món vay tín chấp nên không có tài sản bảo đảm cho khoản vay này, cụ thể: loại thẻ được cấp 3031-JCB J-Phi RTM, số thẻ: 356481-6060; hạn mức 25.000.000 đồng; lãi suất áp dụng 2,5%/ tháng. Số tiền lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau và còn phải chịu các khoản phí khác.

Ngày 04/12/2019, Ngân hàng đã giao thẻ tín dụng theo phiếu yêu cầu của ông Hoàng Văn Ẹ trong đó có số tiền 25.000.000 đồng là số tiền ông Hoàng Văn Ẹ đề nghị được cấp. Ngày 15/4/2019 là ngày giao dịch đầu tiên của ông Hoàng Văn Ẹ với số tiền 10.000.000 đồng. Ngân hàng sẽ chốt dư nợ vào ngày 22 hàng tháng, Ngân hàng sẽ tính dư nợ cuối kỳ = số tiền giao dịch + các loại phí và lãi (phí trễ hạn + lãi + phí vượt hạn mức + phí) - số tiền thanh toán. Số tiền dư nợ cuối kỳ của thẻ là tổng dư nợ trên thẻ bao gồm giao dịch đã bút toán, phí và tiền lãi đã phát sinh trên thẻ.

Số tiền dư nợ của ông Hoàng Văn Ẹ cao hơn so với số tiền ông Hoàng Văn Ẹ nộp vào để trả. Do vậy, số dư nợ gốc của ông Hoàng Văn Ẹ vượt quá số tiền 25.000.000 đồng. Quá 03 tháng ông Hoàng Văn Ẹ không thanh toán nợ gốc nên Ngân hàng phân loại nợ xấu vào ngày 22/02/2024 và đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ; chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 24 Bản điều khoản với số tiền nợ gốc của ông Hoàng Văn Ẹ, cụ thể: Tính từ ngày 22/11/2023, nợ gốc được xác định là 25.012.313 đồng và tính tối đa 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Hoàng Văn Ẹ vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Hoàng Văn Ẹ vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 24 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S. Nên Ngân hàng yêu cầu ông Hoàng Văn Ẹ phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 14/8/2024 là: 30.443.257 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 25.012.313 đồng; số tiền nợ lãi quá hạn là 5.430.944 đồng và ông Hoàng Văn

È còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/7/2024 cho đến khi trả xong nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

- Trong quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Văn È đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đều không có mặt, không có bản khai; qua xác minh tại gia đình có vợ là Nguyễn Thị H1 cho rằng từ ông Hoàng Văn È hiện nay đang ở cùng vợ con tại thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; đi làm từ sáng sớm đến tối mới về. Bà Nguyễn Thị H1 cho rằng việc ông Hoàng Văn È nợ tiền ai, làm gì bà không biết nên bà từ chối ký nhận văn bản tố tụng của Tòa án để giao cho ông Hoàng Văn È. Bà cũng khẳng định ông Hoàng Văn È đều nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do bận làm ăn không đến tòa. Do vậy, Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, về yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S1, buộc ông Hoàng Văn È phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 14/8/2024 là: 30.443.257 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 25.012.313 đồng; số tiền nợ lãi quá hạn là 5.430.944 đồng và ông Hoàng Văn È còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/7/2024 cho đến khi trả xong nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S1 được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án và áp dụng pháp luật: Ngân hàng khởi kiện ông Hoàng Văn È có địa chỉ cư trú tại thôn H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn thanh toán khoản vay theo hợp đồng tín dụng, ông Hoàng Văn È vay cá nhân mục đích để tiêu dùng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại đơn khởi kiện của Ngân hàng xác định ông Hoàng Văn È cư trú tại thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định ông Hoàng Văn È có thuê trọ ở cùng gia

đình tại thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn phù hợp với giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng do ông Hoàng Văn È đã khai (thôn H trước là thôn P) nên đơn khởi kiện của Ngân hàng được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; trong quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Văn È không có bản khai, không có mặt theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án, qua xác minh tại gia đình cho rằng ông Hoàng Văn È đi làm từ sáng sớm đến tối mới về, các văn bản tố tụng của Tòa án gửi ông Hoàng Văn È đều nhận được nhưng không đến tòa theo giấy báo, giấy triệu tập của Tòa án. Như vậy ông Hoàng Văn È đã vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật: Ông Hoàng Văn È ký hợp đồng với Ngân hàng TMCP S vào tháng 4/2019; hai bên phát sinh mâu thuẫn vào thời điểm tháng 11/2023 và Ngân hàng khởi kiện ông Hoàng Văn È tại tòa án vào tháng 01/2024 thời điểm này Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 chưa có hiệu lực pháp luật; thời điểm xét xử vụ án Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 có hiệu lực thì ngày 01/7/2024 nhưng đây là pháp luật về nội dung nên Tòa án áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật sửa đổi bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng năm 2014 để giải quyết vụ án.

[4] Xét hợp đồng tín dụng: Ngân hàng TMCP S được thành lập theo đúng quy định của Luật các tổ chức tín dụng; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (áp dụng cho khách hàng cá nhân) đề ngày 01/4/2019 kèm Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S có hiệu từ ngày 03/4/2019 (gọi tắt là hợp đồng tín dụng) là hợp đồng theo mẫu quy định tại Điều 405 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại hợp đồng tín dụng, ông Hoàng Văn È đã điền các thông tin theo mẫu, thể hiện mong muốn vay hạn mức tín dụng 25.000.000 đồng, sử dụng thẻ JCB hạng vàng, cung cấp tài liệu chứng minh nguồn thu nhập và Ngân hàng TMCP S đơn đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng tín dụng do ông Hoàng Văn È khai và ký tên; đồng thời tại Điều 23, 25 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân dân nêu rõ cách tính lãi và các loại phí phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, ông Hoàng Văn È chứng minh được là người có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; các bên ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung hợp đồng về cấp tín dụng phù hợp với khoản 1 Điều 96 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Như vậy, hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật quy định tại các Điều 117, 118, 119, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Theo hồ sơ tín dụng của ông Hoàng Văn È thể hiện ông Hoàng Văn È được phát hành thẻ số 356481-6060 với hạn mức được cấp là 25.000.000 đồng; thời gian bắt đầu phát sinh vào ngày 15/4/2019 giao dịch 10.000.000 đồng. Ngân hàng chốt dư nợ vào ngày 22 hàng tháng, và tính dư nợ cuối kỳ = số tiền giao dịch + các loại phí và lãi (phí trễ hạn + lãi + phí vượt hạn mức + phí) -

số tiền thanh toán. Số tiền dư nợ cuối kỳ của thẻ là tổng dư nợ trên thẻ bao gồm giao dịch đã bút toán, phí và tiền lãi đã phát sinh trên thẻ. Số tiền ông Hoàng Văn Ẹ thực hiện giao dịch nhiều hơn so với số tiền thanh toán. Ngân hàng chốt từ ngày 23/02/2024 ông Hoàng Văn Ẹ không còn giao dịch nào đối với tài khoản thẻ này. Trong thời hạn 03 tháng, ông Hoàng Văn Ẹ không thực hiện việc thanh toán nợ, ngày 22/02/2024, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền phí, phí trễ hạn thanh toán của ông Hoàng Văn Ẹ thành số tiền nợ gốc là 25.012.313 đồng; chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Hoàng Văn Ẹ do vi phạm Điều 24 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S. Như vậy, Ngân hàng khởi kiện ông Hoàng Văn Ẹ phải thanh toán nợ là phù hợp với khoản 1, 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[6] Về mức lãi suất, các bên đương sự có thỏa thuận áp dụng lãi suất theo tháng do Ngân hàng TMCP S công bố tại thời điểm giao dịch và lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất tại thời điểm thanh toán; như vậy việc tính lãi suất của Ngân hàng TMCP S hoàn toàn phù hợp với giao dịch giữa các bên và quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[7] Từ phân tích trên có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S buộc ông Hoàng Văn Ẹ phải có trách nhiệm thanh toán khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng với số tiền 30.996.729 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 25.012.313 đồng; số tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 14/8/2024 là 5.984.416 đồng và ông Hoàng Văn Ẹ còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 15/8/2024 cho đến khi trả xong nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là có căn cứ.

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bị đơn ông Hoàng Văn Ẹ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền phải thanh toán theo quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 40; các Điều 117, 118, 119, 385, 398, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 94, khoản 1, 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ các Điều 7, 8, 10, 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về áp dụng lãi suất;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

2. Buộc bị đơn Hoàng Văn È có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tính đến ngày 14/8/2024 là 30.996.729 (ba mươi triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi chín) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 25.012.313 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 14/8/2024 là 5.984.416 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (áp dụng cho khách hàng cá nhân) đề ngày 01/4/2019 kèm Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S có hiệu từ ngày 03/4/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và ông Hoàng Văn È.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/8/2024) cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/7/2021.

Trường hợp Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Hoàng Văn È phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 1.550.000 (một triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng sung quỹ Nhà nước. Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 642.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 201 ký hiệu BLTU/23 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND thành phố Lạng Sơn;
- Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Ninh